

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-PT
Ngày: 25- 5 - 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai ;
Ông Thái Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 454/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020, và Thông báo mở lại phiên tòa số 14/2020/TB-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm: 1965; Cư trú: xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Diễm Tr, sinh năm 1983;

Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1994;

Cùng cư trú: ấp V, xã Tr, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn L (O), sinh năm 1967; Cư trú: ấp P, xã P, huyện A, An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Diễm Tr, Bà Nguyễn Thị Diễm T, Ông Nguyễn Văn L (O) là ông Lê Hùng T, theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020 do UBND thị trấn An Phú chứng thực.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Chí H, sinh năm 1980; cư trú: Ấp V, xã T, huyện A, tỉnh An Giang.

- Ông Võ Chí H1, sinh năm 1974 cư trú: Ấp V, xã H, huyện A, tỉnh An Giang;

- Bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1976; cư trú: Ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bà Võ Thị Tuyết L1, sinh năm 1972; cư trú: Ấp C, xã B, huyện C, An Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho các ông,bà Võ Chí H, Võ Chí H1, Võ Thị Tuyết N, Võ Thị Tuyết L1 là ông Lê Hùng T, theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020 do UBND thị trấn An Phú chứng thực.

(Tại phiên tòa ông N, ông T1 cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng với các tài liệu kèm theo của nguyên đơn ông Bùi Văn N trình bày: Trước đây vào năm 2017, khi cần vốn hoạt động kinh doanh hai máy bơm nước tại xã Phú Hữu thì bà Võ Thị Tuyết M vợ ông Nguyễn Văn L (O) và là mẹ của Nguyễn Thị Diễm Tr và Nguyễn Thị Diễm T, có đến hỏi vay tiền của ông nhiều lần với tổng cộng số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), cụ thể như sau: Ngày 01/3/2017 vay 100.000.000 đồng; ngày 03/8/2017 vay 50.000.000 đồng; ngày 10/9/2017 vay 250.000.000 đồng; ngày 14/9/2017 vay 100.000.000 đồng (ngày âm lịch).

Để tạo lòng tin thì bà M có giao cho ông một giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Võ Thành K và một giấy chứng nhận Quyền sử hữu nhà ở mang tên Võ Thị Tuyết M. Khi vay tiền bà M có làm biên nhận với ông và đóng lãi đầy đủ. Nhưng từ ngày 22/01/2018 bà M chết thì ngừng luôn đến nay.

Sau khi chết bà M có để lại cho hai người con là Tr và T thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 25.000m² đất nông nghiệp và thừa kế sử dụng căn nhà hai tầng với quản lý hai máy bơm nước đang hoạt động kinh doanh tại xã Phú Hữu, ông có đến nhà yêu cầu hai con của M là bà Tr và T trả số nợ mà bà M đã vay của ông nhưng bà Tr và T không đồng ý.

Nay ông yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M là ông L, bà Tr và bà T phải trả cho ông số tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi.

Đồng bị đơn ông L, bà Tr cùng vắng mặt, nhưng có lời trình bày:

Tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 21/8/2019 của bà Nguyễn Thị Diễm Tr: Sau khi mẹ bà là bà M chết thì bà mới biết việc mẹ bà vay nợ ông N số tiền 500.000.000 đồng, số nợ này mẹ bà đóng lãi 6%/tháng nên số tiền lãi gần bằng tiền vốn gốc, chị em bà không có khả năng trả số nợ cho ông N, xin xóa đứt số nợ. Còn căn nhà tại xã Phú Hữu hiện không còn, ông L hiện nay đang ở nhà bà nội của bà ở ấp P, xã H, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Hiện tại ba mẹ bà là ông L và bà M vẫn chưa ly hôn, do ông L bị bệnh thần kinh nhẹ nên về nhà nội của bà ở. Bà đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh gia đình hiện nay.

Tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 21/8/2019 của ông Nguyễn Văn L: Ông và bà M chưa ly hôn với nhau, trong thời gian chung sống hai người có hai con chung là Tr và T, do thời gian trước ông bị bệnh nên có đánh bà M, nên không chung sống tiếp được nên ông bỏ về nhà mẹ ruột ở từ năm 1998 đến nay. Sự việc vay tiền của ông N thì ông hoàn toàn không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 454/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú đã quyết định:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn N.

Buộc đồng thừa kế của bà Võ Thị Tuyết M là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Diễm Tr và bà Nguyễn Thị Diễm T liên đới trả số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) cho ông Bùi Văn N.

Các đồng thừa kế: Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Diễm Tr và bà Nguyễn Thị Diễm T chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Võ Thị Tuyết M trong phạm vi di sản của bà M để lại được xác định trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/12/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm Tr, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tuyết N kháng cáo không đồng ý quyết định của Tòa án huyện An Phú xét xử buộc bà Tr phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 500.000.000đ cho ông N, không đồng ý việc Tòa án không buộc ông N phải trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà M đã thế chấp lại cho gia đình bà N, việc Tòa án sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các bà là không đúng quy định pháp luật, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 454/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Lê Hùng T đại diện theo ủy quyền của các đương sự cũng đã xuất trình các văn bản của chính quyền địa phương xác nhận không có làm các thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa đối với bà Tr, ông H1, để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Diễm Tr, bà Võ Thị Tuyết N là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Do Tòa án nhân dân huyện An Phú đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc cấp, tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Diễm Tr, giải quyết chưa triệt để vụ án và chưa làm rõ ông Võ Văn K và ông Võ Thành K có phải là một người hay không? nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm Tr và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tuyết N; Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 454/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú; Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Diễm Tr, bà Võ Thị Tuyết N kháng cáo làm trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm Tr, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Vào năm 2017 ông N có cho bà Võ Thị Tuyết M (mẹ của bà Tr, bà T và là vợ của ông L) vay mượn nhiều lần với tổng số tiền là 500.000.000đ, khi vay tiền để tạo niềm tin phía bà M có thể chấp cho ông N: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 4165/QĐ-UB.GCN ngày 17/11/2008 mang tên bà Võ Thị Tuyết M, loại nhà ở diện tích sàn 181m² kết cấu nhà khung cột BTCT; mái lợp tole; cấp IV a, nhà 01 tầng, năm xây dựng 2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00940/QSĐĐ/kL ngày 10/3/2004 diện tích 2831,6m² mang tên Võ Thành K. Do bà M chết vào năm 2018 mà chưa thanh toán nợ cho ông N, nên ông N đã làm đơn khởi kiện bà Tr, bà T, ông L với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M phải cùng có trách nhiệm trả số nợ

trên cho ông N đã làm phát sinh tranh chấp. Tòa án nhân dân huyện An Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tuy nhiên trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án đã chưa tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó dẫn đến khi quyết định bản án đã làm ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp, cũng như các quyền, nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2.1] Về tố tụng:

- Khi thụ lý vụ án, do ông Võ Thành K đã chết trước đó, nên vào ngày 01/10/2019 Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo số 3215/TBTL-TA đưa các con của ông K gồm: H, H1, N, L1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nhưng khi ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 3221 ngày 30/9/2019, thì chỉ tổng đạt hợp lệ cho ông Võ Chí H, trong hồ sơ không thể hiện tổng đạt cho ông Võ Chí H1, bà Võ Thị Tuyết N. Riêng đối với bà Võ Thị Tuyết L1 được tổng đạt qua đường Bưu điện, nhưng Bưu điện đã hoàn trả lại với lý do sai địa chỉ, trường hợp này cấp sơ thẩm nên yêu cầu đương sự cung cấp lại địa chỉ chính xác của bà L1 để thực hiện việc tổng đạt cho hợp lệ. Như vậy việc không tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 3221 ngày 30/9/2019 cho ông H1, bà N, cũng như không tổng đạt hợp lệ cho bà L1 là đã vi phạm vào các Điều 170, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong hồ sơ vụ án chỉ thể hiện cấp sơ thẩm tổng đạt cho các đương sự về việc thông báo hòa giải công khai chứng cứ số 3221 ngày 30/9/2019 lần thứ nhất được ấn định thời gian hòa giải vào ngày 17/10/2019, lẽ ra khi đương sự vắng mặt, thì cấp sơ thẩm tiếp tục tổng đạt hợp lệ lần thứ 2, nếu đương sự vẫn vắng mặt mới tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được, nhưng lại lập biên bản ghi nhận sự vắng mặt của đương sự và không tiến hành hòa giải được ngày 17/10/2019, để đưa vụ án ra xét xử là vi phạm khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Mặc khác khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 591/QĐXXST-DS ngày 22/10/2019, cũng chỉ tổng đạt cho các đương sự như: Tr, Thúy, H, N, không thể hiện tổng đạt cho bà L1, ông H1. Do đương sự vắng mặt nên cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 639/QĐST-DS ngày 07/11/2019, ấn định lại thời gian mở phiên tòa là ngày 28/11/2019, nhưng cũng không thực hiện tổng đạt hợp lệ cho các đương sự: Tr, H1, H, chỉ tổng đạt Quyết định cho N, L. Đối với bà L1 cũng tổng đạt theo như địa chỉ cũ, để Bưu điện cũng phải trả về do sai địa chỉ, được

coi như là không tổng đạt hợp lệ cho bà Lan. Căn cứ vào công văn số 184/CV-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trường, xác nhận ngày 05/12/2019 của Ban nhân dân ấp Vĩnh Linh, xã Vĩnh Hậu cũng đã xác định không thực hiện việc niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 639/QĐST-DS ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú cho bà Tr, ông H1. Như vậy trong trường hợp này các đương sự bà Tr, ông H1, ông H, bà L1 chưa được Tòa án nhân dân huyện An Phú triệu tập hợp lệ lần hai, mà vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr, ông H1, ông H, bà L1 là vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Song song đó theo bản sao chứng thực hộ khẩu và đơn xin xác nhận ngày 04/7/2016 thì cha bà Võ Thị Tuyết N là ông Võ Văn K, trong khi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00940/QSDĐ/kL ngày 10/3/2004 diện tích 2831,6m² mang tên Võ Thành K, nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện An Phú cũng chưa làm rõ ông Võ Văn K và ông Võ Thành K có phải là một người hay không? Là có thiếu sót.

[2.2] Về nội dung:

Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như đã nêu trên nên cũng đã làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Cấp sơ thẩm chưa thực hiện tổng đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản tố tụng, nhưng lại nhận định do đương sự vắng mặt nên không có yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa bà M với ông N để buộc ông N trả lại các giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà tách ra bằng vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu, là chưa giải quyết dứt điểm vụ án, cũng như làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

[2.3] Về áp dụng Điều luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử, trong quá trình xét xử, trong phần Quyết định án sơ thẩm không có đình chỉ phần yêu cầu nào của đương sự, nhưng lại áp dụng Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự là có sai sót trong việc áp dụng Điều luật.

Từ những nhận định trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng từ khi giai đoạn giải quyết vụ án, đến khi đưa vụ án ra xét xử, từ đó dẫn đến nội dung giải quyết vụ án bị ảnh hưởng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên yêu cầu kháng cáo của bà Tr, bà N là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 454/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý, làm rõ lại yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Theo giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 17/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề nghiệp vụ, có hướng dẫn tại khoản 2, mục III về dân sự: *“Khi giải quyết vụ án dân sự có yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì Tòa án phải giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Việc giải thích phải được ghi vào biên bản và lưu vào hồ sơ vụ án. Trường hợp Tòa án đã giải thích nhưng tất cả đương sự vẫn không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không phải giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu; Trừ trường hợp đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba”*.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Tr, bà N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm Tr, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tuyết N.

- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 454/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm Tr, bà Võ Thị Tuyết N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị Diễm Tr số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011790 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Hoàn trả lại cho Bà Võ Thị Tuyết N số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011791 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- Chi cục THA-DS huyện;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tấn Tài